

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Năng lượng tái tạo và sử dụng năng lượng hiệu quả (228334) -
Môn học: **Nhóm 04**
CBGD: **Nguyễn Thị Mai Lan (280032)**

Số SV có mặt: ...20...
Số bài thi: ...20...
Số tờ giấy thi: ...20...

Cán bộ coi thi 1 <i>mai</i> <i>NTM Lan</i>	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 <i>mai</i> <i>NTM Lan</i>	G.Viên chấm thi 2
--	------------------	---	-------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122150013	NGUYỄN QUỐC BẢO	29/05/2004	CCQ2215A			<i>Bảo</i>	7,0	6,8	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2122150028	LÊ TẤN BẢNG	29/09/2004	CCQ2215A			<i>Bảng</i>	8,0	7,8	7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2122150040	HUỖNH DUY BÌNH	08/10/2004	CCQ2215A			<i>Duy</i>	7,0	7,0	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2122150002	TRƯƠNG THANH BÌNH	07/10/2003	CCQ2215A			<i>Bình</i>	8,5	6,5	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2122150001	PHỤNG TẤN GIA CỐP	09/07/2004	CCQ2215A							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2122060017	VÕ HOÀNG DUY	01/10/2004	CCQ2215A							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2122150027	LỮ PHAN THÀNH ĐẠT	12/02/2004	CCQ2215A			<i>Đạt</i>	8,5	6,5	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2122150026	HOÀNG NGUYỄN NHẬT ĐĂNG	09/08/2004	CCQ2215A			<i>Đăng</i>	7,0	6,5	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2122150034	NGUYỄN XUÂN GIÁP	16/12/2004	CCQ2215A			<i>Giáp</i>	8,0	7,0	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2122150024	HUỖNH THANH HÀO	02/03/2004	CCQ2215A			<i>Hào</i>	7,5	7,0	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2122150023	NGUYỄN QUỐC HOÀI	08/01/2004	CCQ2215A			<i>Hoài</i>	8,5	7,0	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2122150036	NGUYỄN KHẮC NAM HOÀNG	21/03/2004	CCQ2215A			<i>Hoàng</i>	7,0	7,0	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2122150021	HOÀNG VĂN HUẤN	06/06/2004	CCQ2215A			<i>Huân</i>	9,0	7,0	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2122150032	VI TUẤN HÙNG	21/03/2004	CCQ2215A			<i>Hùng</i>	7,5	7,3	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2122150018	ĐINH VĂN HUY	27/02/2004	CCQ2215A			<i>Huy</i>	9,0	7,0	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2122150043	GIẢ TẤN HUYỀN	17/06/2004	CCQ2215A			<i>Huyền</i>	8,0	7,8	7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2122030206	PHẠM TUẤN KHANH	31/12/2004	CCQ2215A			<i>Khánh</i>	7,5	7,0	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2122150020	TRẦN MINH KHÔI	30/07/2001	CCQ2215A			<i>Khôi</i>	7,0	7,0	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2122150015	NGUYỄN HUỖNH MINH LÝ	12/04/2004	CCQ2215A			<i>Lý</i>	8,0	7,0	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2122150101	NGUYỄN MINH LÝ	28/12/2003	CCQ2215A			<i>Lý</i>	9,0	7,3	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Năng lượng tái tạo và sử dụng năng lượng hiệu quả (228334) -
Môn học: **Nhóm 04**
CBGD: **Nguyễn Thị Mai Lan (280032)**

Số SV có mặt: ...20.....
Số bài thi: ...20.....
Số tờ giấy thi: ...20.....

Cán bộ coi thi 1 <i>mai</i> <i>NTM Lan</i>	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 <i>mai</i> <i>NTM Lan</i>	G.Viên chấm thi 2
--	------------------	---	-------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122150004	PHAN VĂN LÝ	26/06/2004	CCQ2215A			<i>[Signature]</i>	8,5	6,8	7,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	2122150011	LÊ QUỐC MẠNH	16/01/2004	CCQ2215A			<i>[Signature]</i>	8,5	7,3	7,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	2122150022	NGUYỄN ĐỨC	01/03/2004	CCQ2215A			<i>[Signature]</i>	7,0	7,0	7,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	2122150094	VŨ VĂN MINH	20/08/2004	CCQ2215A							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Năng lượng tái tạo và sử dụng năng lượng hiệu quả (228334) -
Môn học: **Nhóm 05**
CBGD: **Nguyễn Thị Mai Lan (280032)**

Số SV có mặt: 18.....
Số bài thi: 18.....
Số tờ giấy thi: 18.....

Cán bộ coi thi 1 <i>Mai Lan</i> NTM Lan	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 <i>Mai Lan</i> NTM Lan	G.Viên chấm thi 2
---	------------------	--	-------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122170583	HUỖNH THÁI NHÃ	30/06/2004	CCQ2215B			<i>Huỳnh</i>	8,5	8,5	8,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2122150095	ĐOÀN GIA THIÊN PHÚC	20/08/2004	CCQ2215B							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2122150008	LÊ VĂN PHỤNG	25/11/2003	CCQ2215B							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2122150037	ĐỖ THẾ QUÂN	01/01/2004	CCQ2215B			<i>Đỗ</i>	7,5	8,3	8,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2122150088	LÊ TIẾN QUÂN	17/11/2004	CCQ2215B							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2122150039	NGUYỄN ĐỨC QUÂN	18/05/2004	CCQ2215B							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2122150087	NGUYỄN HIẾU QUÂN	08/10/2003	CCQ2215B							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2122150005	TRẦN VĂN QUÍ	15/03/2004	CCQ2215B							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2122150017	TRẦN KHÁNH QUỐC	27/10/2004	CCQ2215B			<i>Quốc</i>	7,0	7,5	7,3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2122150029	CAO HUỖNH THÁI SƠN	20/07/2004	CCQ2215B			<i>Sơn</i>	8,0	7,0	7,4	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2122150038	NGUYỄN TRÍ TÀI	07/02/2004	CCQ2215B			<i>Tài</i>	9,0	7,5	8,1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2122150007	NGUYỄN MINH TÂM	27/10/2004	CCQ2215B			<i>Tâm</i>	8,5	7,5	7,9	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
13	2122150086	NGUYỄN VŨ HOÀI TẤN	11/06/2004	CCQ2215B			<i>Vũ</i>	8,5	7,5	7,9	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
14	2122150035	HUỖNH VĂN THỊNH	28/09/2003	CCQ2215B			<i>Thịnh</i>	8,0	7,5	7,7	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2122150016	NGUYỄN XUÂN THỊNH	28/06/2004	CCQ2215B			<i>Thịnh</i>	9,0	8,3	8,6	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2122150025	PHAN NGỌC THÔNG	21/03/2004	CCQ2215B			<i>Thông</i>	8,5	7,5	7,9	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
17	2122150006	NGUYỄN THÀNH TÍNH	20/04/2004	CCQ2215B			<i>Thành</i>	9,0	8,5	8,7	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2122150019	NGUYỄN MINH TRÍ	01/11/2003	CCQ2215B			<i>Trí</i>	8,5	7,0	7,6	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2122150009	PHẠM NGUYỄN HOÀI TRÍ	22/01/2004	CCQ2215B							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2122150042	ĐẶNG CÔNG TRÌNH	26/04/2004	CCQ2215B			<i>Trình</i>	8,5	7,5	7,9	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Năng lượng tái tạo và sử dụng năng lượng hiệu quả (228334) -
Môn học: **Nhóm 05**
CBGD: **Nguyễn Thị Mai Lan (280032)**

Số SV có mặt: 18
Số bài thi: 18
Số tờ giấy thi: 18

Cán bộ coi thi 1 <i>mai</i> <i>NTM Lan</i>	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 <i>mai</i> <i>NTM Lan</i>	G.Viên chấm thi 2
--	------------------	---	-------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122150030	HỒ QUANG	28/10/2004	CCQ2215B			<i>Quang</i>	8,0	7,0	7,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	2122150014	NGUYỄN VĂN	25/10/2004	CCQ2215B			<i>Truyền</i>	8,5	7,5	7,9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	2122150031	NGUYỄN MINH	17/02/2004	CCQ2215B			<i>Trúc</i>	8,0	8,5	8,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	2122150012	NGUYỄN VĂN	27/11/2004	CCQ2215B							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
25	2122150096	TÔ TUẤN	14/10/2004	CCQ2215B			<i>Tuấn</i>	8,0	8,3	8,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
26	2122150010	TRẦN NHƯ TUẤN	19/10/2003	CCQ2215B			<i>Trần</i>	7,0	7,5	7,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)